

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2025
*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bể và bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952; Điều có nơi cư trú: Thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên (ông V có mặt, bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987 và chị Phạm Thị Hoài P, sinh năm 1991; Điều có nơi cư trú: Thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên (anh Q, chị P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:**

Vợ chồng ông bà và vợ chồng anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Hoài P là người cùng thôn. Ngày 20/8/2021 (âm lịch), ông V có cho anh Q, chị P vay số tiền 120.000.000 đồng, không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2021 (âm lịch). Anh Q, chị P tự nguyện trả ông V tiền lãi là 1.500.000đồng/tháng. Hai bên có lập Giấy biên nhận ngày 20/8/2021 (âm lịch) có chữ ký của anh Q và chị P. Ông

V đã giao đủ 120.000.000 đồng cho anh Q, chị P. Kể từ khi vay tiền đến nay, anh Q, chị P đã trả ông V được 20.000.000 đồng tiền lãi. Đến thời hạn trả nợ, anh Q, chị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay ông V và bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Q, chị P phải trả cho ông bà tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, ông bà không yêu cầu trả lãi suất.

* Tòa án đã giao, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Hoài P không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

** Đại diện cơ sở thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên cung cấp:*

Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1987 và chị Phạm Thị Hoài P, sinh năm 1991 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên. Trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, ông V, bà N có yêu cầu cơ sở thôn tiến hành hòa giải việc vợ chồng anh Q, chị P vay tiền của ông bà nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, cơ sở thôn chưa kịp tiến hành hòa giải vụ việc.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không trình bày nội dung vụ án và quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn là ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Hoài P thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã D, tỉnh Hưng Yên. Do đó, yêu cầu khởi kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực

8 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản giữa ông V và anh Q, chị P lập ngày 20/8/2021 (âm lịch) tức ngày 26/9/2021 (dương lịch), có thỏa thuận thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2021 (âm lịch), tuy nhiên, tháng 12/2021 (âm lịch) chỉ có 29 ngày nên xác định thời hạn trả nợ là ngày 29/12/2021 (âm lịch) tức ngày 31/01/2022 (dương lịch). Ngày 10/6/2025, ông V, bà N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Anh Q, chị P không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản trên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, ông V và bà N vẫn có quyền khởi kiện vụ án dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng trong vụ án: Ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng hợp pháp. Số tiền ông V cho anh Q, chị P vay là tài sản chung của ông V, bà N trong thời kỳ hôn nhân. Ông V, bà N đều khởi kiện vụ án do đó, ông bà là đồng nguyên đơn trong vụ án. Chính quyền địa phương cung cấp anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Hoài P là vợ chồng hợp pháp, anh chị cùng ký tên vào Giấy biên nhận ngày 20/8/2021 (âm lịch) nên anh Q, chị P là đồng bị đơn trong vụ án này.

[1.4] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Hoài P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử có mặt ông V; vắng mặt bà N, anh Q và chị P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng vay tài sản đã ký kết:

Ông Phạm Văn V có lập hợp đồng vay tài sản (tiền) với anh Phạm Văn Q, chị Phạm Thị Hoài P thông qua Giấy biên nhận ngày 20/8/2021 (âm lịch) có chữ ký của anh Q và chị P. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q, chị P không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp tại Tòa án là Giấy biên nhận ngày 20/8/2021 (âm lịch) để xem xét, đánh giá nội dung của hợp đồng vay tài sản mà các bên đã ký kết. Xét thấy, chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự. Trong hợp đồng, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng. Tại thời điểm giao kết, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung

thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản:

Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản nêu trên, anh Q, chị P chưa trả cho ông V, bà N được phần nợ gốc nào. Mặc dù, hai bên không thỏa thuận về lãi suất của khoản vay nhưng anh Q, chị P đã tự nguyện trả cho ông V được số tiền lãi là 20.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ là ngày 31/01/2022 (dương lịch), anh Q, chị P không trả được bất cứ khoản nợ gốc cho ông V, bà N như đã hứa hẹn. Ông V đã nhiều lần nhắc nhở, thúc giục nhưng anh Q, chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Tính đến ngày 26/9/2025, anh Q, chị P còn nợ ông V, bà N nợ gốc là 120.000.000 đồng. Ông V, bà N không yêu cầu anh Q, chị P trả bất kỳ khoản nợ lãi nào. Anh Q, chị P đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, được biết về số tiền còn nợ ông V, bà N. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 120.000.000 đồng nợ gốc là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản đã ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi suất của khoản vay là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo cách tính: 5% của phần giá trị tài sản có tranh chấp. Theo đó, án phí bị đơn phải chịu là: $5\% \times 120.000.000 \text{ đồng} = 6.000.000 \text{ đồng}$.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QĐ15;

Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị N: Buộc anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Hoài P phải trả cho ông Phạm Văn

V và bà Nguyễn Thị N nợ gốc đã vay là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Hoài P phải nộp 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn V có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/9/2025. Bà Nguyễn Thị N, anh Phạm Văn Q và chị Phạm Thị Hoài P vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THA Dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Đường sự,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Đặng Thị Nguyệt